

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG  
KHOÁN KIS VIỆT NAM  
*KIS VIETNAM SECURITIES  
CORPORATION*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----  
*THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM*

*Independence – Freedom – Happiness*

Số/ No.220/CBTT-KIS

TP.HCM, ngày 26 tháng 10 năm 2026

Ho Chi Minh City, October 26, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
**EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/ To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission*

Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Viet Nam Stock Exchange*

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*

Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/ *Name of organization*: Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam/ *KIS Vietnam Securities Corporation*

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Securities code/Member code*: 057

- Địa chỉ/ *Address*: Tầng 3 và tầng 11, Tòa nhà ROX, 180 - 192 Nguyễn Công Trứ, phường Bến Thành, TP Hồ Chí Minh/ *3rd Floor and 11th Floor, ROX Building, 180-192 Nguyen Cong Tru Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City*

- Điện thoại liên hệ/ *Telephone*: (028) 3914.8585

Fax: (028) 3821.6898

- E-mail: cskh@kisvn.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Disclosed information*:

Báo cáo kết quả phân phối 67 chứng quyền có bảo đảm/ *Report on the Results of distribution Of 67 Covered Warrants*:

- 1 Chứng quyền.ACB.KIS.4M.03/*Covered Warrant.ACB.KIS.4M.03*
- 2 Chứng quyền.ACB.KIS.7M.04/*Covered Warrant.ACB.KIS.7M.04*
- 3 Chứng quyền.ACB.KIS.9M.05/*Covered Warrant.ACB.KIS.9M.05*
- 4 Chứng quyền.FPT.KIS.4M.10/*Covered Warrant.FPT.KIS.4M.10*
- 5 Chứng quyền.FPT.KIS.6M.11/*Covered Warrant.FPT.KIS.6M.11*
- 6 Chứng quyền.FPT.KIS.8M.12/*Covered Warrant.FPT.KIS.8M.12*
- 7 Chứng quyền.HDB.KIS.4M.30/*Covered Warrant.HDB.KIS.4M.30*
- 8 Chứng quyền.HDB.KIS.6M.31/*Covered Warrant.HDB.KIS.6M.31*
- 9 Chứng quyền.HDB.KIS.8M.32/*Covered Warrant.HDB.KIS.8M.32*
- 10 Chứng quyền.HPG.KIS.4M.59/*Covered Warrant.HPG.KIS.4M.59*
- 11 Chứng quyền.HPG.KIS.5M.60/*Covered Warrant.HPG.KIS.5M.60*
- 12 Chứng quyền.HPG.KIS.6M.61/*Covered Warrant.HPG.KIS.6M.61*
- 13 Chứng quyền.HPG.KIS.7M.62/*Covered Warrant.HPG.KIS.7M.62*
- 14 Chứng quyền.HPG.KIS.9M.63/*Covered Warrant.HPG.KIS.9M.63*
- 15 Chứng quyền.HPG.KIS.10M.64/*Covered Warrant.HPG.KIS.10M.64*
- 16 Chứng quyền.LPB.KIS.4M.09/*Covered Warrant.LPB.KIS.4M.09*
- 17 Chứng quyền.LPB.KIS.5M.10/*Covered Warrant.LPB.KIS.5M.10*
- 18 Chứng quyền.LPB.KIS.6M.11/*Covered Warrant.LPB.KIS.6M.11*
- 19 Chứng quyền.LPB.KIS.7M.12/*Covered Warrant.LPB.KIS.7M.12*
- 20 Chứng quyền.LPB.KIS.9M.13/*Covered Warrant.LPB.KIS.9M.13*
- 21 Chứng quyền.MSN.KIS.4M.46/*Covered Warrant.MSN.KIS.4M.46*
- 22 Chứng quyền.MSN.KIS.5M.47/*Covered Warrant.MSN.KIS.5M.47*
- 23 Chứng quyền.MSN.KIS.7M.48/*Covered Warrant.MSN.KIS.7M.48*



- 24 Chứng quyền.MSN.KIS.9M.49/*Covered Warrant.MSN.KIS.9M.49*  
25 Chứng quyền.SHB.KIS.4M.26/*Covered Warrant.SHB.KIS.4M.26*  
26 Chứng quyền.SHB.KIS.5M.27/*Covered Warrant.SHB.KIS.5M.27*  
27 Chứng quyền.SHB.KIS.6M.28/*Covered Warrant.SHB.KIS.6M.28*  
28 Chứng quyền.SHB.KIS.7M.29/*Covered Warrant.SHB.KIS.7M.29*  
29 Chứng quyền.SHB.KIS.9M.30/*Covered Warrant.SHB.KIS.9M.30*  
30 Chứng quyền.SHB.KIS.10M.31/*Covered Warrant.SHB.KIS.10M.31*  
31 Chứng quyền.SSB.KIS.4M.17/*Covered Warrant.SSB.KIS.4M.17*  
32 Chứng quyền.SSB.KIS.5M.18/*Covered Warrant.SSB.KIS.5M.18*  
33 Chứng quyền.SSB.KIS.6M.19/*Covered Warrant.SSB.KIS.6M.19*  
34 Chứng quyền.SSB.KIS.7M.20/*Covered Warrant.SSB.KIS.7M.20*  
35 Chứng quyền.SSB.KIS.8M.21/*Covered Warrant.SSB.KIS.8M.21*  
36 Chứng quyền.SSB.KIS.9M.22/*Covered Warrant.SSB.KIS.9M.22*  
37 Chứng quyền.STB.KIS.4M.56/*Covered Warrant.STB.KIS.4M.56*  
38 Chứng quyền.STB.KIS.5M.57/*Covered Warrant.STB.KIS.5M.57*  
39 Chứng quyền.STB.KIS.6M.58/*Covered Warrant.STB.KIS.6M.58*  
40 Chứng quyền.STB.KIS.8M.59/*Covered Warrant.STB.KIS.8M.59*  
41 Chứng quyền.STB.KIS.9M.60/*Covered Warrant.STB.KIS.9M.60*  
42 Chứng quyền.VHM.KIS.4M.45/*Covered Warrant.VHM.KIS.4M.45*  
43 Chứng quyền.VHM.KIS.5M.46/*Covered Warrant.VHM.KIS.5M.46*  
44 Chứng quyền.VHM.KIS.7M.47/*Covered Warrant.VHM.KIS.7M.47*  
45 Chứng quyền.VHM.KIS.8M.48/*Covered Warrant.VHM.KIS.8M.48*  
46 Chứng quyền.VHM.KIS.9M.49/*Covered Warrant.VHM.KIS.9M.49*  
47 Chứng quyền.VHM.KIS.10M.50/*Covered Warrant.VHM.KIS.10M.50*  
48 Chứng quyền.VIC.KIS.5M.48/*Covered Warrant.VIC.KIS.5M.48*  
49 Chứng quyền.VIC.KIS.6M.49/*Covered Warrant.VIC.KIS.6M.49*  
50 Chứng quyền.VIC.KIS.7M.50/*Covered Warrant.VIC.KIS.7M.50*  
51 Chứng quyền.VIC.KIS.8M.51/*Covered Warrant.VIC.KIS.8M.51*  
52 Chứng quyền.VIC.KIS.9M.52/*Covered Warrant.VIC.KIS.9M.52*  
53 Chứng quyền.VIC.KIS.10M.53/*Covered Warrant.VIC.KIS.10M.53*  
54 Chứng quyền.VJC.KIS.4M.28/*Covered Warrant.VJC.KIS.4M.28*  
55 Chứng quyền.VJC.KIS.6M.29/*Covered Warrant.VJC.KIS.6M.29*  
56 Chứng quyền.VJC.KIS.8M.30/*Covered Warrant.VJC.KIS.8M.30*  
57 Chứng quyền.VNM.KIS.4M.41/*Covered Warrant.VNM.KIS.4M.41*  
58 Chứng quyền.VNM.KIS.6M.42/*Covered Warrant.VNM.KIS.6M.42*  
59 Chứng quyền.VNM.KIS.8M.43/*Covered Warrant.VNM.KIS.8M.43*  
60 Chứng quyền.VNM.KIS.10M.44/*Covered Warrant.VNM.KIS.10M.44*  
61 Chứng quyền.VPB.KIS.4M.27/*Covered Warrant.VPB.KIS.4M.27*  
62 Chứng quyền.VPB.KIS.5M.28/*Covered Warrant.VPB.KIS.5M.28*  
63 Chứng quyền.VPB.KIS.7M.29/*Covered Warrant.VPB.KIS.7M.29*  
64 Chứng quyền.VRE.KIS.4M.49/*Covered Warrant.VRE.KIS.4M.49*  
65 Chứng quyền.VRE.KIS.6M.50/*Covered Warrant.VRE.KIS.6M.50*  
66 Chứng quyền.VRE.KIS.8M.51/*Covered Warrant.VRE.KIS.8M.51*  
67 Chứng quyền.VRE.KIS.9M.52/*Covered Warrant.VRE.KIS.9M.52*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/10/2026 tại đường dẫn <http://www.kisvn.vn/> This information was published on the Company's website on October 26, 2026 at: <http://www.kisvn.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

***Tài liệu đính kèm/ Attached documents:***

Tài liệu liên quan đến nội  
dung thông tin công bố/  
*Documents on disclosed  
information.*

**Đại diện tổ chức/ Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật

*Legal Representative*



**SHIN HYUN JAE**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**GENERAL DIRECTOR**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG  
KHOÁN KIS VIỆT NAM  
KIS VIETNAM SECURITIES  
CORPORATION**  
-----

Số/ No.: 118/CBTT-KIS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence – Freedom – Happiness**

TP.HCM, ngày 26 tháng 10 năm 2026  
Ho Chi Minh City, October 26, 2026



## **BÁO CÁO**

### **KẾT QUẢ PHÂN PHỐI CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM**

#### **REPORT ON RESULTS OF COVERED WARRANTS DISTRIBUTION**

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số 522/GCN-UBCK  
do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 16/10/2026)

*(Certificate of Covered Warrant Issuance No. 522/GCN-UBCK approved by Chairman of the SSC  
on October 16, 2026)*

Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*State Securities Committee*  
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/*Hochiminh Stock Exchange*

Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.

*Issuer: KIS Viet Nam Securities Corporation.*

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3 và tầng 11, Tòa nhà ROX, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, TP.  
Hồ Chí Minh.

*Head quarter: 3rd and 11th Floors, ROX Building, 180-192 Nguyen Cong Tru Street, Ben Thanh Ward, Ho  
Chi Minh City.*

Số điện thoại/tel: (028) 3914 8585.

Số Fax/Fax: (028) 3821 6898.

#### **I. Thông tin về chứng quyền có bảo đảm phát hành/*Information of covered warrant issued:***

##### **1. Thông tin về chứng quyền có bảo đảm/*Information of covered warrant:***

- Tên chứng quyền: Chứng quyền.SHB.KIS.7M.29
- *Warrant name: Covered Warrant.SHB.KIS.7M.29*
- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: SHB.
- *Underlying code: SHB.*
- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội.
- *Underlying issuer: Sai Gon – Ha Noi Commercial Joint Stock Bank*
- Loại chứng quyền: Chứng quyền mua
- *Warrant type: Call*
- Kiểu chứng quyền: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
- *Exercise style: Warrants that may only be exercised by the holder at maturity.*
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền.

- *Settlement method: Warrants are cash-settled.*
- Thời hạn: 7 tháng.
- *Maturity: 7 months.*
- Ngày đáo hạn: 20/05/2027.
- *Maturity date: May 20, 2027*
- Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1.
- *Conversion ratio: 4:1.*
- Giá thực hiện: 12.345 đồng.
- *Strike price: 12,345 dong.*
- Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: 1.650.000.000 đồng.
- *Value of collateral assets for settlement guarantee: 1,650,000,000 dong.*

2. Thông tin đợt chào bán/ *Offering Information:*

- Ngày bắt đầu chào bán: 20/10/2026.
- *Offering commencement date: October 20, 2026.*
- Ngày hoàn thành phân phối: 23/10/2026.
- *Distribution completion date: October 23, 2026.*
- Thời gian nhận đăng ký mua: Từ 15 giờ 00 ngày 20/10/2026 đến 15 giờ 00 ngày 23/10/2026.
- *Timeline for purchase registration: From 3:00pm on October 20, 2026 to 3:00pm on October 23, 2026.*
- Ngày thanh toán tiền mua chứng quyền: 23/10/2026.
- *Payment date for warrant purchase: October 23, 2026.*
- Ngày kết thúc chuyển giao chứng quyền: 23/10/2026.
- *Completion date of warrant transfer. October 23, 2026.*

## II. Kết quả phân phối chứng quyền

| Đối tượng mua chứng quyền<br>Buyers of warrants                                                                                     | Giá chào bán (đồng/ chứng quyền)<br>Offering price (VND/warrant) | Số lượng chứng quyền chào bán<br>Number of warrants offered | Số lượng chứng quyền đăng ký mua<br>Number of warrants subscribed for purchase | Số lượng chứng quyền được phân phối<br>Number of warrants distributed | Số người đăng ký mua<br>Number of subscribed | Số người được phân phối<br>Number of allocated subscribe | Số chứng quyền chưa phân phối<br>Number of undistributed warrants | Tỷ lệ chứng quyền phân phối<br>Distribution rate |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 1. Nhà đầu tư cá nhân, trong đó:<br><i>Individual investors. including:</i><br>- Nhà đầu tư trong nước<br><i>Domestic investors</i> | 1.000 đồng/chứng quyền                                           | 3.000.000                                                   | 0                                                                              | 0                                                                     | 0                                            | 0                                                        | 3.000.000                                                         | 0%                                               |

|                                                                                |  |                  |          |          |          |          |                  |           |
|--------------------------------------------------------------------------------|--|------------------|----------|----------|----------|----------|------------------|-----------|
| - Nhà đầu tư nước ngoài<br><i>Foreign investors</i>                            |  |                  |          |          |          |          |                  |           |
| 2. Nhà đầu tư tổ chức, trong đó:<br><i>Institutional investors, including:</i> |  |                  |          |          |          |          |                  |           |
| - Nhà đầu tư trong nước<br><i>Domestic investors</i>                           |  |                  | 0        | 0        | 0        | 0        |                  | 0%        |
| - Nhà đầu tư nước ngoài<br><i>Foreign investors</i>                            |  |                  |          |          |          |          |                  |           |
| <b>Tổng/Total</b>                                                              |  | <b>3.000.000</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>3.000.000</b> | <b>0%</b> |

### III. Tổng hợp kết quả phân phối chứng quyền có bảo đảm/ *Summary of covered warrant distribution results:*

1. Tổng số chứng quyền có bảo đảm đã phân phối: 0, chiếm 0% tổng số chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán.

*Total number of warrants distributed: 0, representing 0% of the total number of warrants approved for offering.*

2. Tổng số tiền thu từ việc bán chứng quyền có bảo đảm: 0 đồng (có xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong toả nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm đính kèm).

*Total proceeds from the sale of warrants: 0 dong (with confirmation from the bank where the escrow account for receiving warrant subscription funds is opened, attached hereto).*

3. Tổng chi phí: 0 đồng.

*Total expenses: 0 dong.*

- Phí bảo lãnh phát hành: 0 đồng.

- *Underwriting fee: 0 dong.*

- Phí phân phối chứng quyền có bảo đảm: 0 đồng.

- *Warrant distribution fee: 0 dong.*

4. Tổng thu ròng từ đợt phân phối: 0 đồng.

*Net proceeds from the distribution: 0 dong.*

TP. Hồ Chí Minh, ngày/date 26 tháng/month 10 năm/year 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY

TỔNG GIÁM ĐỐC

GENERAL DIRECTOR



SHIN HYUN JAE

